

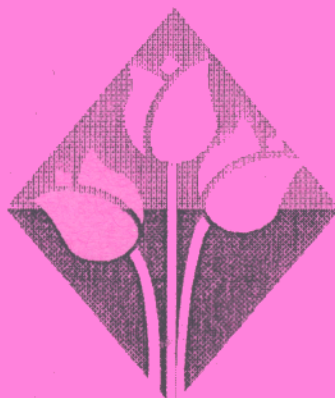
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH  
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

---

# BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

"XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ  
ĐỂ GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỔNG HỢP VÀ BỀN VỮNG  
Ở XÃ CỒN THOI, HUYỆN KIM SƠN, TỈNH NINH BÌNH"



NINH BÌNH, THÁNG 9 - 2002

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**  
**SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

---

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**" Ứng dụng các tiến bộ khoa học & công nghệ  
để góp phần phát triển kinh tế xã hội tổng hợp và bền vững  
tại xã Cồn Thoi, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình"**

**\* Cấp quản lý: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường**

**\* Cơ quan chủ trì dự án:**

Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Ninh Bình

**\* Cơ quan chính chuyên giao khoa học, công nghệ:**

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam

**\* Cơ quan phối hợp:**

- Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản I.

- Viện Cây lương thực - Cây thực phẩm.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Bình.

- Ủy ban Nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Ủy ban Nhân dân xã Cồn Thoi, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

**\* Thời gian thực hiện: Từ tháng 01/1999 đến tháng 01/2001.**

## PHẦN I

### KHÁI QUÁT VÙNG DỰ ÁN, MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG DỰ ÁN

#### I- GIỚI THIỆU DỰ ÁN

Thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 72/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc phát triển toàn diện kinh tế, xã hội nông thôn, miền núi. Theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường trong các hoạt động hỗ trợ khoa học công nghệ cho các vùng nông thôn, miền núi đã chấp thuận cho tỉnh Ninh Bình xây dựng và tổ chức thực hiện dự án "*Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để phát triển kinh tế xã hội tổng hợp và bền vững ở xã Cồn Thoi, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình*".

Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Ninh Bình - Cơ quan chủ trì dự án đã chọn Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam làm cơ quan khoa học chính chuyên giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp để triển khai các nội dung của dự án.

#### \* Căn cứ khoa học để lựa chọn địa điểm triển khai dự án

Thực hiện Quyết định số 132/QĐ-TTg, ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ thực hiện "Chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 1998 - 2002". Cồn Thoi là một xã ven biển huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình được lựa chọn xây dựng dự án phát triển kinh tế xã hội toàn diện bền vững trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trong tổ chức sản xuất và quản lý nhằm cải thiện, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho nhân dân địa phương, trên cơ sở đó nhân rộng ra các xã trong vùng. Cồn Thoi là vùng trũng nhất của vùng quai đê lấn biển, được hình thành từ năm 1945, có hai trục sông chính đi qua và là đoạn cuối cùng của hệ thống thủy lợi huyện Kim Sơn. Diện tích tự nhiên của xã Cồn Thoi có 742,5 ha (trong đó đất trồng hai vụ lúa là: 356,4 ha; đất ao hồ 150 ha; đất vườn tạp hộ gia đình: 76,5 ha). Dân số hiện nay toàn xã hiện có 8.057 nhân khẩu, 1.565 hộ gia đình, trong đó có 86,7% dân số theo đạo Thiên chúa giáo. Vì vậy Cồn Thoi gặp nhiều khó khăn khi tiêu úng trong mùa mưa bão và dễ bị nhiễm mặn trong vụ Đông - Xuân. Nhiệt độ trung bình năm 23,3<sup>0</sup>C độ ẩm trung bình là 85%, lượng mưa trung bình năm là 1.865mm, hàng năm có từ 4 đến 6 cơn bão đổ bộ vào xã Cồn Thoi.

Đặc điểm đất đai của xã Côn Thoi là do phù sa bồi lắng, có độ chua mặn cao, chưa được cải tạo. Hằng năm đến mùa mưa bão, hướng gió, bão thẳng góc với đê biển của xã nên có sức tàn phá rất lớn. Nền kinh tế chủ yếu là trồng lúa, trồng cói và nuôi trồng thủy hải sản, song cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, tập quán sản xuất còn lạc hậu, tự cấp, tự túc, chịu nhiều ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh như: Gió, bão, nhiễm mặn. Việc tiếp nhận đầu tư của Nhà nước không đồng bộ, thiếu tập trung, nhiều dự án triển khai mang tính riêng lẻ, phạm vi nhỏ, chông chéo, hiệu quả đạt thấp. Ngoài ra nguồn tài nguyên ven biển do khai thác không hợp lý đã suy giảm nhanh chóng. Những khó khăn, yếu kém trên đang kìm hãm sản xuất phát triển, thu nhập và đời sống của nhân dân đạt thấp so với mức bình quân của huyện Kim Sơn. Tỷ lệ hộ nghèo còn tới 22%, hộ đói còn 5% (Theo tiêu chí mới của Bộ Lao động và Thương binh Xã hội), thu nhập lương thực bình quân đầu người chỉ đạt 340kg/ người / năm.

Xã Côn Thoi là một xã có đầy đủ đặc điểm chung của dải ven biển huyện Kim Sơn. Hiện nay xã đang hình thành một thị trấn là trung tâm giao dịch kinh tế, văn hóa với các xã ven biển, có bến xe liên tỉnh, có chợ nông thôn, có bưu điện và có hệ thống giao thôn thủy, bộ liên xã, liên huyện và của tỉnh. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, định hướng phát triển kinh tế của địa phương và phương hướng xây dựng Côn Thoi trở thành trung tâm phát triển mạnh về kinh tế của huyện Kim Sơn từ nay đến năm 2010. Được sự giúp đỡ của Trung tâm Phát triển vùng (Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường), Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình đã giao cho Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Ninh Bình phối hợp với Ủy ban Nhân dân huyện Kim Sơn và các ngành trong tỉnh tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học để tập trung chỉ đạo và lựa chọn xã Côn Thoi xây dựng dự án "Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để góp phần phát triển kinh tế xã hội tổng hợp và bền vững ở xã Côn Thoi, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình", nhằm cải thiện nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho nhân dân địa phương, trên cơ sở đó nhân rộng ra các xã trong vùng.

Với cơ sở vật chất kỹ thuật và điều kiện như trên, địa điểm triển khai dự án tại xã Côn Thoi là rất hợp lý, khi triển khai các nội dung của dự án sẽ đảm bảo đạt hiệu quả cao và tạo điều kiện tốt để nhân rộng ra các xã trong vùng nhanh chóng và thuận lợi.

## II. MỤC TIÊU CHUNG CỦA DỰ ÁN

1. Xây dựng các mô hình trình diễn về ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả cao tiềm năng đất đai nông nghiệp, mặt nước ven biển, nâng cao năng suất cây trồng, thủy - hải sản, bảo vệ đất và môi trường sinh thái.

2. Nâng cao năng suất lúa trên vùng đất bị nhiễm mặn và hệ thống thủy lợi chưa hoàn chỉnh, phát triển nuôi trồng thủy - hải sản (tôm, cá), phát triển sản xuất các sản phẩm cói xuất khẩu và phát triển cây ăn quả ở quy mô hộ gia đình để từng bước tạo ra vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn.

3. Bồi dưỡng nâng cao, hiểu biết khoa học, công nghệ và kinh nghiệm quản lý cho đội ngũ cán bộ và bà con nông dân trong xã.

4. Từ các mô hình trình diễn sẽ tạo khả năng tỏa sáng nhân rộng trong toàn xã và các xã khác trong vùng, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

## III. NỘI DUNG VÀ MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA DỰ ÁN

3.1. Xây dựng mô hình thâm canh tăng năng suất lúa trên đất chua mặn và ứng trũng trên quy mô 100,0ha.

- Mục tiêu cụ thể: Sau hai năm thực hiện dự án, kết quả năng suất lúa đạt bình quân 10 tấn/ha/năm, trên diện tích mô hình 100ha.

3.2. Xây dựng mô hình theo hướng phát triển kinh tế VAC trên quy mô 12ha ao và 12ha vườn.

- Mục tiêu: Đạt giá trị sản lượng 40,0 triệu đồng/1ha ao nuôi cá và 10,0 triệu đồng/ 1ha vườn.

3.3. Xây dựng mô hình nuôi trồng thủy sản mặt nước tại vùng trong đê sông Đáy và ở một số ao hồ nước ngọt hộ gia đình, quy mô 6,0ha.

- Mục tiêu: Đạt giá trị sản lượng 50,0 triệu đồng/ 1 ha ao nuôi.

3.4. Xây dựng mô hình chế biến cói xuất khẩu, quy mô 3 hộ gia đình.

- Mục tiêu: Tạo được 20 mẫu mã thảm cói xe, 20 mẫu mã hộp cói đan, 40 mẫu mã đệm lót ghế trong nhà.

3.5. Đào tạo, tập huấn kỹ thuật, tham quan.

- Mục tiêu: Sau hai năm thực hiện dự án đào tạo, tập huấn cho 20 cán bộ khuyến nông và chỉ đạo thực hiện của xã, đào tạo, phổ biến kỹ thuật cho 3.000 lượt nông dân.

- Xuất bản 3.000 sách hướng dẫn quy trình kỹ thuật một số giống cây trồng, tôm, cá sẽ triển khai trong dự án để phát triển cho cán bộ và nông dân trong xã.

- Tổ chức 5 - 7 hội nghị đầu bờ giới thiệu các mô hình trình diễn và quy trình khoa học - công nghệ để tạo điều kiện nhân rộng mô hình ra toàn xã và các xã khác trong vùng.

#### IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

Ngay sau khi quyết định của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cho phép triển khai dự án, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Ninh Bình đã thảo luận, thống nhất các nội dung, tiến độ, kinh phí... và chọn Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam là cơ quan chuyển giao công nghệ để triển khai xây dựng các mô hình.

Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Ninh Bình đã bàn bạc và thống nhất với Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, với lãnh đạo Ủy ban Nhân dân huyện Kim Sơn về các biện pháp tổ chức thực hiện dự án.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ban hành quyết định để thành lập Ban điều hành dự án do đồng chí Phó Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Ninh Bình làm Trưởng ban, trong đó có đại diện của Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân xã Cồn Thoi cùng tham gia để tiếp nhận dự án được thuận lợi.

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam đã thành lập Ban điều hành dự án với số lượng 8 người, bao gồm các thành viên là lãnh đạo Viện, đại diện phòng quản lý và một số trưởng đơn vị tham gia triển khai các nội dung của dự án. Ban điều hành có trách nhiệm tổ chức, xây dựng kế hoạch triển khai, theo dõi, đánh giá... nội dung và tất cả các vấn đề khác có liên quan đến dự án.

Huy động đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật các chuyên gia có kinh nghiệm của Viện và của các cơ quan khoa học khác từ Trung ương, tỉnh và huyện trực tiếp tham gia triển khai dự án trên cơ sở thống nhất về cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ làm việc tại địa phương.

Trước khi xây dựng các mô hình, Ban điều hành dự án làm việc cụ thể và chi tiết với Đảng ủy, lãnh đạo và Ban tiếp nhận dự án xã Cồn Thoi để chọn điểm, chọn hộ nông dân tham gia mô hình, thống nhất quyền lợi và trách nhiệm cho từng hộ. Cụ thể hóa với lãnh đạo xã và hộ nông dân tham gia dự án các nội dung, cách thức triển khai, quản lý và điều hành dự án.

Các loại vật tư kỹ thuật dự án đầu tư thông qua ban tiếp nhận dự án xã và sau đó phát trực tiếp tới hộ nông dân, có sự tham gia của cán bộ kỹ thuật của dự án chỉ đạo tại địa phương.

Ban điều hành dự án huy động đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm triển khai các dự án nông thôn, miền núi tham gia đào tạo, chỉ đạo sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ cơ sở và nông dân để có thể tiếp cận được các tiến bộ kỹ thuật mới và có thể mở rộng nhanh các mô hình trong sản xuất.

Sau khi kết thúc mỗi mô hình, Ban điều hành dự án tổ chức các cuộc họp với các cơ quan liên quan để đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm triển khai các mô hình tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn.

Tổ chức các hội nghị tập huấn, thăm quan đầu bờ cho nông dân nhằm nhân nhanh các mô hình có hiệu quả cao ra sản xuất.

Tiến hành sơ kết, tổng kết dự án thường xuyên báo cáo tiến độ và kết quả triển khai dự án cho các cấp có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương.

## **PHẦN II**

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

#### **I- MÔ HÌNH THÂM CANH TĂNG NĂNG SUẤT VÀ NHÂN GIỐNG LÚA**

##### **1- Xây dựng mô hình lúa xuân**

###### *1.1. Quy mô của mô hình*

Tổng diện tích mô hình trong 2 năm 1999 - 2000 là 88,0ha, trong đó:

- Năm 1999: Diện tích mô hình là 37,0ha, các giống được đưa vào cơ cấu xuân muộn, trên đất cấy 2 vụ lúa. Trong đó: giống Shanuu 63 (5,0ha) và Nhị ưu 838 (32,0ha).

- Năm 2000 diện tích mô hình là 51,0 ha, các giống được đưa vào cơ cấu xuân muộn, trên đất cấy 2 vụ lúa. Trong đó: giống Tạp giao 1 (17,0ha) và Nhị ưu 838 (34,0ha).

###### *1.2. Giải pháp kỹ thuật*

Những khó khăn cơ bản hạn chế việc thâm canh tăng năng suất lúa xuân ở xã Cồn Thoi là nông dân thiếu hiểu biết về kỹ thuật thâm canh đồng bộ, bón phân mất cân đối (hầu như không sử dụng hoặc sử dụng rất ít phân Kali), đất

canh tác bị nhiễm mặn vụ Đông Xuân, úng lụt vào vụ mùa, chịu ảnh hưởng nhiều của thời tiết khí hậu, vì vậy năng suất lúa cả năm mới đạt 8,0 tấn/ha. Để đảm bảo sự thành công và đạt hiệu quả cao cho mô hình Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam trước mỗi vụ sản xuất đã có những cuộc họp với Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Ninh Bình, Ủy ban Nhân dân huyện Kim Sơn và Ủy ban Nhân dân xã Cồn Thoi để thảo luận, lựa chọn các giải pháp khoa học (cơ cấu giống, thời vụ sản xuất, phân bón, phòng trừ sâu bệnh...) phù hợp để áp dụng và triển khai. Các giải pháp cụ thể đó là:

- Nghiên cứu tuyển chọn các giống lúa thích hợp có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh phù hợp với cơ cấu thời vụ, điều kiện tự nhiên và khả năng đầu tư thâm canh của nông dân.

- Các giống lúa đầu tư cho địa phương đều đảm bảo phẩm cấp giống. Giống đảm bảo chắc chắn về năng suất trong điều kiện đáp ứng đúng quy trình kỹ thuật hướng dẫn. Các giống lúa thuần có thể dùng làm giống, mở rộng diện tích cho các vụ sau.

- Trước khi cung cấp giống cho nông dân, cán bộ kỹ thuật đều kiểm tra kỹ lưỡng về tỉ lệ nảy mầm, tỉ lệ lẫn của giống.

- Tập huấn đầy đủ và phát tài liệu quy trình kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật cơ sở và các hộ tham gia mô hình.

- Chỉ đạo gieo cấy đúng quy trình kỹ thuật.

- Xây dựng quy trình bón phân cân đối và hợp lý cho từng loại giống, cụ thể:

- + Các giống lúa lai Trung Quốc sử dụng công thức bón phân sau:

12 tấn phân chuồng + 150kgN + 90kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> + 85kg K<sub>2</sub>O cho 1ha

- Cử cán bộ chuyên môn của Viện, cùng với kỹ thuật viên, khuyến nông viên cơ sở chỉ đạo trực tiếp sản xuất, thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình sinh trưởng, phát triển cây lúa, phát hiện sâu bệnh hại và có các giải pháp xử lý hữu hiệu, kịp thời.

### 1.3. Kết quả đạt được

#### Thâm canh cây lúa:

•\* Mô hình thâm canh lúa xuân 1999:

Những khó khăn cơ bản hạn chế việc thâm canh tăng năng suất cây lúa ở đây là bà con thiếu hiểu biết về kỹ thuật thâm canh, đất canh tác bị nhiễm mặn



vụ Đông Xuân, úng lụt vào vụ Mùa và chịu ảnh hưởng nhiều của gió, bão. Vì vậy trong những năm qua năng suất lúa còn thấp, mới đạt bình quân 80 tạ / ha / năm. Trước vụ lúa Xuân năm 1999 Ban chỉ đạo dự án của Viện đã có hai cuộc họp với Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Ninh Bình, Ủy ban Nhân dân xã Cồn Thoi và đại diện Ủy ban Nhân dân huyện Kim Sơn để thảo luận đưa ra những tiến bộ khoa học, công nghệ về cơ cấu giống, vụ mùa các biện pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm tăng năng suất lúa. Qua thảo luận và đóng góp ý kiến, dự án đã đầu tư xây dựng mô hình 37ha giống lúa lai Trung Quốc Shanuu 63 và Nhị ưu 838. Lượng giống dự án đầu tư cho xã thể hiện ở (bảng 1)

**Bảng 1: Số lượng, diện tích 2 giống lúa TGI và Nhị ưu 838, phân Kali và máy bơm dự án đầu tư trong vụ xuân 1999**

STT	Vật tư	Số lượng	Diện tích (ha)
1	Giống lúa Shanuu 63	127 kg	5,0
2	Giống lúa Nhị ưu 838	857 kg	32,0
3	Phân Kali Clorua	6.000 kg	37,0
4	Máy bơm nước TQ D8	02 chiếc	-

Cùng với việc đầu tư giống, phân bón, máy bơm, dự án đã tập huấn đồng bộ các biện pháp kỹ thuật và phát tài liệu cho bà con nông dân tham gia dự án như: Kỹ thuật gieo cấy, bón phân, chăm sóc lúa, bảo vệ thực vật... với sự tham gia của cán bộ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam. Sau khi được nhận giống và hướng dẫn kỹ thuật, các hộ tham gia dự án đã tiến hành gieo cấy đúng thời vụ và quy trình kỹ thuật. Diện tích tập trung ở 2 vùng: khu 7B và Tổ Ròng hạ với diện tích 37 ha.

Một trong những biện pháp kỹ thuật quan trọng mang lại hiệu quả cao đó là bón phân kali với lượng cao (6kg/sào, tương đương 162kg/ ha) trên toàn bộ diện tích của dự án. Tập quán của bà con nông dân thường không sử dụng phân Kali hoặc sử dụng rất ít, bón mất cân đối, chỉ tập trung bón phân Đạm ( 10 - 12 kg/ sào) và phân Lân (15 - 20kg / sào). Vì vậy lúa dễ bị đổ, dễ nhiễm bệnh đạo ôn, tỷ lệ hạt lép trên bông cao, dẫn đến năng suất thấp. Từ việc đầu tư giống, phân Kali và hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho bà con nông dân, năng suất thu được trên diện tích 37 ha dự án đã tăng cao, mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, năng suất các giống trong vụ xuân năm 1999 được thể hiện ở (bảng 2)

**Bảng 2: Năng suất bình quân các giống ở vụ Xuân năm 1999  
tại xã Cồn Thoi**

Số TT	Tên giống	Diện tích (ha)	Năng suất (kg/sào)	Năng suất (tấn/ ha)	% tăng so với đối chứng
1	DT 10, DT 11	30,0	160 - 180	4,4 - 5,0	-
2	Nếp chiêm	40,0	140 - 150	3,9 - 4,2	-
3	Tạp giao 1 (ngoài dự án)	200,0	230 - 270	6,4 - 6,7	100
4	Tạp giao 1 (vùng dự án)	5,0	260 - 270	7,2 - 7,5	112
5	Nhị ưu 838	32,0	280	7,8	119

Giống lúa Nhị ưu 838 hoàn toàn mới đối với bà con nông dân trong xã, song qua thực tế trên diện tích mô hình 32ha giống Nhị ưu 838 đã thể hiện nhiều ưu điểm vượt hơn giống TG1 (là giống rất phổ biến trong vụ xuân muộn ở Ninh Bình). Đó là: Năng suất cao hơn (10 - 15%), khả năng chống chịu sâu bệnh (Đạo ôn, Khô vằn) tốt hơn TG1, bông to, tỷ lệ hạt chắc trên bông cao được bà con nông dân đánh giá cao và khả năng mở rộng diện tích trong vụ xuân năm 2000 là rất lớn.

Đạt được thành công bước đầu của dự án, chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Ủy ban Nhân dân huyện Kim Sơn và nhất là Ủy ban Nhân dân xã Cồn Thoi. Sau khi được tiếp nhận dự án, Ủy ban Nhân dân xã đã xác định đây là một dự án Nhà nước và nhân dân cùng làm, vì vậy hệ thống thủy lợi nội đồng đã được xã tập trung giải quyết trước khi gieo cấy. Xã đã huy động rất nhiều công sức của nhân dân để hoàn thành tốt khâu thủy lợi, đảm bảo việc tưới tiêu chủ động trong vụ Xuân 1999.

\* Mô hình lúa xuân năm 2000:

Xây dựng mô hình thâm canh lúa trong vụ xuân 2000, Viện đã đầu tư 1.500kg thóc giống Tạp giao 1, Nhị ưu 838 và cung cấp đầy đủ lượng phân KaliClorua cho nông dân vào đầu tháng 01 năm 2000.

Sau khi cung cấp giống và phân Kali Clorua, Viện đã tiến hành tập huấn kỹ thuật, phát tài liệu cho cán bộ chỉ đạo của dự án của xã và gần 200 hộ gia đình tham gia xây dựng mô hình.

Ban chỉ đạo dự án xã Cồn Thoi cùng với cán bộ chuyên môn của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam đã triển khai kế hoạch và chỉ đạo sản xuất rất chặt chẽ, các qui trình bộ phận kỹ thuật đã được bà con nông dân áp dụng nghiêm túc từ khâu gieo mạ.